

SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN SỐ DỰ ĐOÁN VÀ SỰ HÀI LÒNG CỦA GIÁO VIÊN ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN DẠY HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ NGỌC TẠC (*) - NGUYỄN VĂN TẤN(**)
CAO TỊ T ÚY DIỄM (***) - ĐỨC T AN (****)

TÓM TẮT: Thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi đối với 85 nhà giáo, trong đó có 34.12% là cán bộ quản lý và số còn lại (65.88%) là giáo viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích thống kê mô tả: giá trị %, điểm trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) theo thang đo 5 điểm-Likert Scale và phân tích Hệ số tương quan Pearson Correlation giữa các biến số dự đoán (X) và Sự hài lòng (Y) của giáo viên đối với sự quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thông tin cá nhân của người cung cấp thông tin, phân tích các biến số dự đoán và biến số phụ thuộc, sự tương quan giữa các biến số dự đoán và sự hài lòng của giáo viên được phân tích và thảo luận.

Từ khóa: Sự hài lòng, quản lý hoạt động dạy học, giáo dục thường xuyên.

ABSTRACT: Surveyed by questionnaires for 85 educators, 34.12% of whom are administrators and the rest (65.88%) of them are teachers in Continuing Education Centers in Ho Chi Minh City. Descriptive statistics analysis: value %, mean scores (M) and standard deviation (SD) on a 5-point Likert Scale and Pearson Correlation Coefficient between predicted variables (X) and Satisfaction (Y) of teachers in the managing activities of teaching following by the curriculum of the continuing education in Ho Chi Minh City. The provider's personal profile, the analysis of predictor variables and dependent variables, the correlation between predictor variables and teacher satisfaction were analyzed and discussed.

Key words: teachers' satisfaction, managing activities of teaching, continuing education.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây chất lượng dạy và học các trung tâm giáo dục thường xuyên chưa ngừng nâng lên nhưng chương trình toàn Thành phố số lượng học sinh đạt giải trong các thi học sinh giỏi quốc gia cấp thành phố hàng năm chưa có số lượng học sinh tự nguyện vào đại học và cao học hàng năm

chưa nhiều. Điều này làm cho nhiều giáo viên của các trung tâm giáo dục thường xuyên không hài lòng (Lam Ngọc, 2015).

Thực tế cho thấy đầu vào của trung tâm giáo dục thường xuyên thường yếu hơn học sinh công lập nên học trung tâm giáo dục thường xuyên ít môn hơn các em có điều kiện tập trung cho các môn học. Số lượng giáo viên còn thiếu phương pháp dạy học một số

(*) Tiến sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Tiến sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

(***) Thạc sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

(****) Cử nhân. Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt Thành phố Hồ Chí Minh

nơi vẫn còn lạc hậu, ít phát huy tính chủ động, sáng tạo, khả năng tự học của học viên. Bên cạnh đó cơ chế quản lý giáo dục thường xuyên chậm đổi mới, bộ máy quản lý giáo dục thường xuyên vẫn còn nặng nề, kém hiệu quả (Ninh Văn Bình 2008). Bên cạnh điều kiện cơ sở vật chất ở dùng dạy học thì chương trình và sách giáo khoa cũng là vấn đề quan tâm.

Theo báo cáo tổng kết năm học 20 - 2014 và 2014 - 2015 của Phòng Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo, các trung tâm giáo dục thường xuyên vẫn chưa đáp ứng đủ bộ máy lực lượng giáo viên nhân viên cần thiết. Một số trung tâm thiếu phó giám đốc, thiếu giáo viên cơ sở ... Nghiệp vụ quản lý của một số cán bộ quản lý còn hiếm khuyết gây ảnh hưởng đến ổn định của đơn vị (Lam Ngọc, 2015). Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của giáo viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên đó là: Việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên; năng lực quản lý hoạt động dạy học của cán bộ quản lý; năng lực giáo viên; năng lực học viên; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị ở dùng dạy học; việc sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông (Ninh Văn Bình 200 ; 2013; Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, 2015; Nguyễn Hoàng Nhi, 2013).

Đóng góp phần trả lời về sự hài lòng của giáo viên đối với việc quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, tác giả thực hiện cuộc khảo sát nghiên cứu bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm ra sự tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng (biến số dự đoán) đến sự hài lòng của giáo viên giáo dục thường xuyên trong một phạm vi giới hạn nhất định.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thông tin về đối tượng khảo sát

Nghiên cứu này khảo sát trên 85 nhà giáo, trong đó có 4.2% (29 người) là cán bộ quản lý và số còn lại (65.88%) là giáo viên. Trong số cán bộ quản lý (29 người) có 7.24% (5 người) là giám đốc 7.9% (2 người) là phó giám đốc các trung tâm giáo dục thường xuyên quận/huyện, số còn lại (44.83%) là tổ trưởng chuyên môn và chủ tịch công đoàn v.v... Nam chiếm tỷ lệ 48.2% (4 người) và số còn lại (51.80) là nữ. Có 24.70% (2 người) có học vị thạc sĩ 74.0% (6 người) có học vị cử nhân, và 2.3% (2 người) chưa tốt nghiệp đại học. Chuyên ngành đào tạo: 49.40% (42 người) thuộc khối tự nhiên và số còn lại (50.60%) thuộc khối xã hội. Tuổi (tính đến 2016) thấp nhất 23 và cao nhất 59; trong đó độ tuổi từ 23 đến 30 chiếm 0.59% (26 người) độ tuổi từ 31 đến 40 chiếm cao nhất 4.5% (7 người) độ tuổi từ 41 đến 50 chiếm 6.47% (4 người), và độ tuổi từ 51 đến 59 chiếm thấp nhất 9.41% (8 người). Năm vào ngành thấp nhất 0 năm và cao nhất 5 năm; thâm niên công tác từ 0 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 54.12% (46 người), từ 11 đến 20 năm chiếm tỷ lệ 24.70% (2 người), từ 21 đến 30 năm chiếm tỷ lệ 4.2% (2 người) và từ 31 đến 5 năm chiếm tỷ lệ thấp nhất 7.06% (6 người). Thâm niên trong quản lý thấp nhất năm và cao nhất 26 năm. Trong đó từ 5 năm chiếm tỷ lệ cao nhất 37.9% (2 người), từ 6 đến 10 năm là 20.0% (9 người), từ 11 đến 5 năm là 20.70% (6 người) và thấp nhất là từ 16 đến 26 năm là 0.4% (1 người). Với thông tin cá nhân như vậy phân tích 85 nhà giáo viên có điều kiện và rất xứng đáng tham gia vào cuộc khảo sát này.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi tại Phòng Giáo dục thường xuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và 14/30 trung tâm giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó có trung

tâm giáo dục thường u n thuộc các quận trung tâm và nội thành (Quận 1, Quận 4, Quận 6, Quận 7, Quận 9, Phú Nhuận Tân Ph Tân Bình Bình Tân ...) và trung tâm giáo dục thường u n thuộc các hu ện ngoại thành (Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn).

2.3. Sử dụng thang đo Likert Scale

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng th ng o Li ert với 5 mức độ (5 point-Likert scale). Mức độ và ý nghĩa của từng giá trị trung bình ối với th ng o ho ảng u c tính: Giá trị khoảng cách = (maximum-minimum)/n = (5-1)/5 = 0.8 (xem Bảng 1).

Bảng 1: Giá trị thang đo Likert 5 mức độ

Mức	Giá trị khoảng cách	Mức độ đánh giá
1	1.00 - 1.80	Kém Hoàn toàn hông ồng ý
2	1.81 - 2.60	Yếu Không ồng ý
3	2.61 - 3.40	Trung bình, Trung lập
4	3.41 - 4.20	Khá ồng ý
5	4.21 - 5.00	Tốt Hoàn toàn ồng ý

2.4. Phương pháp phân tích số liệu

Việc quản lý và xử lý số liệu u c thực hiện mã hóa (coding) số liệu khảo sát, thống kê và xử lý số liệu trong chương trình SPSS Version 20.0. Các phương pháp phân tích u c sử dụng trong quá

trình phân tích số liệu (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) bao gồm:

- *Thủ tục Compute*: tính toán giá trị biến số mới từ các biến số có sẵn (xem Bảng 2).

Bảng 2: Ký hiệu các biến số độc lập, biến số phụ thuộc và số câu hỏi khảo sát

Ký hiệu	Biến số (Biến số mới)	Số câu hỏi (Biến số có sẵn)
Y	Sự hài lòng (<i>biến số phụ thuộc</i>)	-
X ₁	Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học	5
X ₂	Năng lực quản lý hoạt động dạy học	6
X ₃	Năng lực giáo viên	7
X ₄	Năng lực học viên	6
X ₅	Cơ s vật chất, trang thiết bị ồ dùng dạy học	6
X ₆	Sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông	5

- *Thống kê mô tả* (Descriptive analysis): tính giá trị % (tần suất) giá trị i m trung bình (Mean score - M) và giá trị ộ lệch chuẩn (Standard Deviation - SD) so sánh giá trị các biến số.

- *Hệ số tương quan Pearson Correlation*: dùng ác ịnh mối quan hệ (tương qu n) gi a các biến ộc lập X (các

biến giải thích) ến biến phụ thuộc Y (biến u c giải thích). Hệ số tương qu n bội R: u c sử dụng ánh giá mức ộ chặt chẽ của mối liên hệ tương qu n tu ến tính gi a tất cả các biến ộc lập X₁, X₂, X₃, ... X₆ và biến phụ thuộc Y. Đ tài sử dụng tiêu chuẩn ánh giá hệ số tương qu n theo Guildford (Jeg 2006) như s u:

Hệ số tương quan		nghĩa
	$r < 0.20$	Tương quan ít rất lỏng
0.20	$\leq r < 0.40$	Tương quan thấp, lỏng
0.40	$\leq r < 0.70$	Tương quan trung bình khá chặt chẽ
0.70	$\leq r < 0.90$	Tương quan có chặt chẽ
0.90	$\leq r$	Tương quan rất cao, rất chặt chẽ

3. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH SỐ LI U

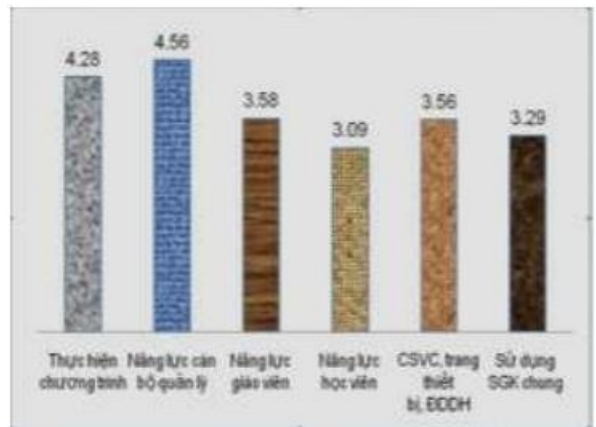
3.1. Kết quả phân tích các biến số dự đoán

Qua phân tích điểm trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) theo thang 5 điểm - Likert Scale (1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt), kết quả đánh giá của các biến số dự đoán (X_1, X_2, X_3, X_4, X_5 và X_6) về sự hài lòng của giáo viên đối với việc quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên có điểm trung bình khá cao (M = 3.09 đến 4.56). Cụ thể là: Việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học - X_1 (M = 4.28, SD = 0.57), Năng lực quản lý hoạt động dạy học - X_2 (M = 4.56, SD = 0.50), Năng lực giáo viên - X_3 (M = 3.85, SD = 0.56), Năng lực học viên - X_4 (M = 3.09, SD = 0.72), Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học - X_5 (M = 3.56, SD = 0.69).

Bằng cách phân tích tương tự đối với biến số X_6 theo thang 5 điểm - Likert Scale (1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý), kết quả đánh giá về việc sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông (X_6) có điểm trung bình khá cao (M = 3.29, SD = 0.94). Hình 1 trình bày kết quả so sánh điểm trung bình của các biến số dự đoán về sự hài lòng của giáo viên đối với việc quản lý hoạt

động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên.

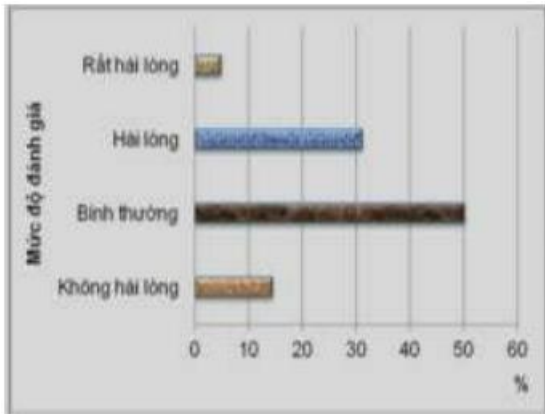
3.2. Phân tích mức độ hài lòng về thực trạng quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh



Hình 1: Biểu đồ so sánh điểm trung bình giữa các biến số dự đoán

động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên. Qua phân tích thống kê điểm trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) theo thang 5 điểm - Likert Scale (1 - Rất không hài lòng, 2 - Không hài lòng, 3 - Bình thường, 4 - Hài lòng, và 5 - Rất hài lòng) với hình thức tự đánh giá của 84 nhà giáo (01 không đánh giá) kết quả cho thấy không có lựa chọn mức 1 (rất không hài lòng). Trong đó mức bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất 50% (42 người), kế đó là mức hài lòng 26% (26 người), mức không hài lòng là 4.0% (2 người) và số còn lại 4.80% (4 người) là tỷ lệ mức thấp nhất rất hài lòng. Nói cách khác, nhà giáo (bao gồm giáo viên và cán bộ quản lý) đánh giá mức độ không hài lòng và bình thường đạt tỷ lệ 64.3% (tức điểm trung bình từ 1.81 đến 3.4 trong thang đo 5 điểm - Likert scale). Điều này cho thấy các yếu

tổ li n qu n ến thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học hông làm hài lòng nhà giáo, nh ng người tham gia giảng dạy và quản lý các trung tâm giáo dục thường xuyên tại các i m nghiên cứu tr n ja bàn Thành phố Hồ Chí Minh (xem hình 2).



Hình 2: Biểu đồ đánh giá mức độ hài lòng của giáo viên về thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.3. Tương quan giữa các biến số dự đoán và sự hài lòng của giáo viên đối với việc quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học

Đ khảo sát mối quan hệ gi a yếu tố ảnh hưởng ến việc quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên (Các biến số độc lập - Independent variables) ối với sự hài lòng của giáo viên (Biến số phụ thuộc - Dependent variable). Ký hiệu các biến số ự c mô tả bằng 2 tr n â và ết quả phân tích sẽ ự c trình bày tại Bảng tương quan (bảng 3) dưới â . Có 6 biến số từ X_1 ến X_6 là biến số độc lập và biến số phụ thuộc là Sự hài lòng của giáo viên (Y).

Kết quả phân tích thống kê cho thấy có một số biến số độc lập (X) tương quan thuận với biến số phụ thuộc (Y) và phần

lớn các biến số độc lập có tương quan thuận với nhau có mức ý nghĩ 0.0 %. Tất cả u có hệ số tương quan dương (Positive Correlation Coefficient). Mức độ tương quan (r) ự c phân tích cụ th như s u:

3.3.1. Sự tương quan giữa biến số Y và các biến số X

Các biến số Sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông (X_6), cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học (X_5), và năng lực học viên (X_4) có tương quan thuận với sự hài lòng (Y) có hệ số tương quan gi a các biến số theo thứ tự giảm dần là $r = 0,59$ ($p = 0.0001$), $r = 0,33$ ($p = 0.002$), và $r = 0$. (0.005). Đi u này ngụ ý rằng Việc sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông, i u kiện Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, và Năng lực học viên có ảnh hưởng ến Sự hài lòng của giáo viên trong việc quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học. Ngoài ra, biến số Năng lực giáo viên (X_3) cũng có tương quan thuận với Sự hài lòng của giáo viên trong nghiên cứu này nhưng hệ số tương quan rất thấp ($r = 0.2$ $p = 0.0$). Trong hi ó h i biến số Năng lực quản lý hoạt động dạy học (X_2) và Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp tiểu học (X_1) hông có tương quan với biến số Sự hài lòng (Y).

3.3.2. Sự tương quan giữa các biến số độc lập (X)

Biến số Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học (X_1) có tương quan thuận với tất cả 5 biến số độc lập khác, mức độ ý nghĩ 0.0 %. Biến số X_1 có hệ số tương quan theo thứ tự giảm dần với 5 biến số độc lập khác ó là: Năng lực quản lý hoạt động dạy học - X_2 ($r = 0.56$, $p = 0.0001$), Năng lực giáo viên - X_3 ($r = 0.51$, $p = 0.0001$), Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học - X_5 ($r = 0.36$, $p = 0.0001$), Năng lực học viên - X_4 và Sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông - X_6 ($r = 0$. $p = 0.004$). Đi u này chứng t rằng việc thực hiện chương trình giáo

dục thường xuyên cấp trung học các trung tâm giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh có sự tương quan khá chặt chẽ với các yếu tố hác ó là: năng lực quản lý hoạt động dạy học; năng lực giáo viên; i u kiện cơ s vật chất, trang thiết bị ò dùng dạy học; năng lực học viên và việc sử dụng sách giáo khoa chung với chương trình phổ thông.

Biến số *Năng lực quản lý hoạt động dạy h c* (X₂) có tương quan thuận rất cao với biến số *Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung h c* (X₁) như

trình bà biến số X₂ c n có tương quan thuận với 3 biến số òc lập khác, mức ò ý nghĩ 0.0 %. Biến số X₂ có hệ số tương quan theo thứ tự giảm dần với 3 biến số òc lập hác ó là: *Năng lực giáo viên* - X₃ (r = 0.50, p = 0.0001), *Năng lực h c viên* - X₄ và *cơ sở vật chất, trang thiết bị, ò dùng dạy h c* - X₅ (r = 0.8 p = 0.000). Đi u này chứng t rằng năng lực quản lý hoạt òng dạy học của cán bộ quản lý có sự tương quan chặt chẽ với các yếu tố khác, ó là: *việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung h c*; năng lực giáo viên; năng lực học viên; và i u kiện cơ s vật chất, trang thiết bị ò dùng dạy học.

Biến số *Năng lực giáo viên* (X₃) còn có tương quan thuận với 2 biến số òc lập khác, mức ò ý nghĩ 0.0 %. Biến số X₃ có hệ số tương quan bằng với 2 biến số òc lập hác ó là: *Năng lực h c viên* - X₄ và *cơ sở vật chất, trang thiết bị, ò dùng*

dạy h c - X₅ (r = 0.46 p = 0.000). Đi u này có nghĩ rằng *năng lực giáo viên* có sự tương quan chặt chẽ với các yếu tố hác ó là: việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học; năng lực quản lý hoạt động dạy học của cán bộ

quản lý; năng lực học viên; và i u kiện cơ s vật chất, trang thiết bị ò dùng dạy học.

Biến số *Năng lực h c viên* (X₄) bên cạnh có sự tương quan thuận với Sự hài lòng (Y), biến số X₄ còn có sự tương quan thuận với các biến số òc lập hác ó là các ếu tố: i u kiện cơ s vật chất, trang thiết bị ò dùng dạy học (X₅); năng lực giáo viên (X₃); năng lực quản lý hoạt động dạy học của cán bộ quản lý (X₂); và việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học (X₁).

Biến số *điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, ò dùng dạy h c* (X₅) bên cạnh có sự tương quan thuận với Sự hài lòng (Y), biến số X₅ còn có sự tương quan thuận với các biến số òc lập hác ó là các ếu tố: năng lực học viên (X₄) năng lực giáo viên (X₃) năng lực quản lý hoạt động dạy học (X₂), và thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học (X₁).

Biến số *Sử dụng sách giáo khoa chung với trung h c phổ thông* (X₆) bên cạnh có sự tương quan thuận với Sự hài lòng (Y), biến số X₆ còn tương quan thuận với một biến số òc lập ó là *thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học* (X₁).

Bảng 3: Hệ số tương quan Pearson (Correlations) giữa các biến số dự ò đoán (X) và Sự hài lòng (Y) của giáo viên òối với việc quản lý hoạt òng dạy h c theo Chương trình giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh

Các biến số		Y	X ₁	X ₂	X ₃	X ₄	X ₅	X ₆
Y	SỰ HÀI LÒNG	1						
X ₁	Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học	0.08 (0.48)	1					
X ₂	Năng lực quản lý hoạt òng dạy học	0.13 (0.25)	0.56** (0.0001)	1				

Các biến số		Y	X ₁	X ₂	X ₃	X ₄	X ₅	X ₆
X ₃	Năng lực giáo viên	0.23* (0.03)	0.51** (0.0001)	0.50** (0.0001)	1			
X ₄	Năng lực học viên	0.31** (0.005)	0.31** (0.004)	0.38** (0.0001)	0.46** (0.0001)	1		
X ₅	Cơ s vật chất, trang thiết bị ở dùng dạy học	0.33** (0.002)	0.36** (0.0001)	0.38** (0.0001)	0.46** (0.0001)	0.48** (0.0001)	1	
X ₆	Sử dụng sách giáo khoa chung	0.59** (0.0001)	0.31** (0.004)	0.03 (0.77)	0.18 (0.85)	0.23* (0.03)	0.26* (0.02)	1
Số mẫu (N)		84	85	85	85	85	85	85
Trung bình (\bar{X})		3.26	4.28	4.56	3.85	3.09	3.56	3.29
Độ lệch chuẩn (SD)		0.76	0.57	0.50	0.56	0.72	0.69	0.94

* Tương quan mức độ ý nghĩa 0.05 (2 uôi); ** Tương quan mức độ ý nghĩa 0.0 (2 uôi).

4. KẾT LUẬN

Nhìn chung, các yếu tố liên quan đến thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học không làm hài lòng nhà giáo các cơ sở giáo dục thường xuyên tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học chưa đạt được mức độ nhất, kể đến là năng lực quản lý hoạt động dạy học của cán bộ quản lý; năng lực giáo viên; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị ở dùng dạy học; năng lực học viên; và cuối cùng là việc sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông.

Việc sử dụng sách giáo khoa chung với trung học phổ thông là một yếu tố có tương quan trung bình, khá chặt chẽ với sự hài lòng của giáo viên. Kể từ khi yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị ở dùng dạy học; và năng lực học viên cũng có tương quan thuận với sự hài lòng của giáo viên nhưng mức độ tương quan thấp hơn. Do vậy, các nhà quản lý, các nhà hoạch định kế hoạch cần quan tâm đến ba yếu tố trên. Trong

nghiên cứu này, các yếu tố thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên; năng lực quản lý hoạt động dạy học của cán bộ quản lý; và năng lực giáo viên chưa thấy có sự tương quan với sự hài lòng của giáo viên. Ngoài ra, việc sử dụng chung sách giáo khoa với chương trình phổ thông không thể hiện sự tương quan với năng lực quản lý hoạt động dạy học; năng lực giáo viên; năng lực học viên; và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị ở dùng dạy học.

Trong khi đó các yếu tố về năng lực quản lý hoạt động dạy học; năng lực giáo viên; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, ở dùng dạy học; năng lực học viên và việc sử dụng sách giáo khoa chung với chương trình phổ thông có tương quan với yếu tố việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học. Trong đó năng lực quản lý hoạt động dạy học, và năng lực giáo viên có mức độ tương quan cao hơn. Đây là điều rất đáng lưu ý cho các nhà quản lý, các nhà hoạch định kế hoạch về việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên.

TÀI LIU T A K O

1. Ninh Văn Bình (200). Kinh nghiệm quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học các trung tâm giáo dục thường xuyên, *Tạp chí Giáo dục số 9*.
2. Ninh Văn Bình (20). *Những bài học kinh nghiệm quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm Giáo dục thường xuyên để nâng cao chất lượng giáo dục*, Nxb. Lao động.
3. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Tập 1 và Tập 2. Nxb. Hồng Đức.
4. Nguyễn Hoàng Nhi (2013). *Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa phương thức đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên và kỹ thuật hướng nghiệp tỉnh Đồng Tháp*. *Tạp chí Giáo dục số 283* (K 1).
5. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (20 4). Công văn số 2962/BC-GDĐT-GDTH ngày 25/08/2014 v *Báo cáo tổng kết năm học 2013 - 2014, Phương hướng nhiệm vụ năm học 2014-2015 Giáo dục thường xuyên*, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (20 5). Công văn số 2839/BC-GDĐT-GDTH ngày 08/09/2015 v *Báo cáo tổng kết năm học 2014 - 2015, Phương hướng nhiệm vụ năm học 2015 - 2016 Giáo dục thường xuyên*, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Jegak, U. (2006). *Data analysis and interpretation: Using SPSS for Windows*. Handout. University Putra Malaysia.
8. Lam Ngọc (2015), “B trường công học giáo dục thường ục” *Báo Thanh Niên*. Truy cập tại <http://thanhnien.vn/giao-duc/>.
9. Huy Lâm (2012), “*Lấn sân giáo dục phổ thông*”, *Báo Người Lao Động*. Truy cập tại <http://nld.com.vn/giao-duc-khoa-hoc/>.

Ngày nhận bài: 07/3/2017. Ngày biên tập xong: 14/3/2017. Duyệt ăng: 24/3/2017